

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13-10-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng,

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2022), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L, sinh năm 19xx; đăng ký HKTT: Thôn D, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 19xx, đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn D, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn (chị Bùi Thị L) trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là UBND xã Q), huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 9 năm 2009. Anh chị chung sống với nhau hòa thuận được 08 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và một phần do anh Đ ham chơi, không quan tâm tới gia đình, vợ con nên vợ chồng thường hay cãi nhau, cuộc sống hôn nhân

không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng sinh sống từ năm 2017. Từ đó đến nay anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ chị L yêu cầu được ly hôn anh Đ. Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2010. Khi ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về việc cấp dưỡng cho con và về tài sản chung chị L xin tự thỏa thuận, giải quyết với anh Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đ nhiều lần, yêu cầu anh Đ giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh Đ không thực hiện. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng khác cho anh Đ thông qua chị Nguyễn Thị B (chị ruột của anh Đ). Chị B xác nhận đã tổng đạt toàn bộ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh Đ; anh Đ đã biết rõ nội dung, nhưng không có ý kiến gì. Về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Đ, chị B xác nhận mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh kể từ năm 2017, khi chị L đi lao động ở nước ngoài, đầu năm 2022 chị L về nước nhưng vợ chồng không sống với nhau, tình cảm lạnh nhạt. Tuy nhiên, vì hạnh phúc gia đình của các em, chị B đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để chị L anh Đ đoàn tụ, nếu không hòa giải được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có 01 con chung như chị L trình bày. Từ năm 2017 đến nay cháu H sống cùng với mẹ và bà ngoại. Trường hợp nếu phải ly hôn, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết về con chung của anh chị theo quy định của pháp luật.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh Đ là do bất đồng quan điểm sống, một phần do anh Đ ham chơi, nợ nần nhiều, không chăm lo cho gia đình, vợ con dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2017 đến nay chị L không sống cùng anh Đ tại địa phương. Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 2010, hiện đang sống cùng chị L. Nay chị L xin ly hôn anh Đ và nhận nuôi con, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn (chị L) có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn (anh Đ) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ; giao con Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về việc cấp dưỡng cho con chị L xin tự thỏa thuận với anh Đ; chị L xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra đề giải quyết. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình (ly hôn, tranh chấp nuôi con); bị đơn (anh Nguyễn Văn Đ) có nơi cư trú: Thôn D, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh Đ) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, tạo điều kiện cho anh Đ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; không trình bày quan điểm của mình; không giao nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án là tự từ bỏ các quyền và không chấp hành nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Nguyên đơn (chị L) có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn (anh Đ) đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ **khoản 2** Điều 227, **khoản 1, khoản 3** Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh Đ.

- Về nội dung:

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương, thể hiện: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau tại UBND xã Tiên Hưng (nay là UBND xã Q), huyện Tiên Lãng vào ngày 28 tháng 9 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ

chồng anh chị phát sinh do bất đồng quan điểm sống, một phần do anh Đ ham chơi, ít quan tâm đến gia đình, vợ con nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, căng thẳng. Anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ năm 2017 đến nay. Xét thấy, tình trạng vợ chồng chị L, anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị L được ly hôn anh Đ.

[5]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2010. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, con chung của anh chị do chị L nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, chị L làm công nhân, có thu nhập và nơi ở ổn định, đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con; ngoài việc tự mình, chị L còn được sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Quá trình giải quyết vụ án cháu Hồng có quan điểm được ở cùng với mẹ; anh Đ không có quan điểm về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện, anh Đ làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định. Như vậy có thể thấy điều kiện trực tiếp nuôi con hiện nay của chị L tốt hơn của anh Đ. Để đảm bảo tâm lý, sinh hoạt và quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, xử giao con Nguyễn Thị Tuyết H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng cho con, chị L xin tự thỏa thuận với anh Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên để anh chị tự giải quyết với nhau là phù hợp.

[6]. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, **khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96**, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2010 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 13 tháng 10 năm 2022 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết về việc cấp dưỡng cho con do chị L xin tự thỏa thuận với anh Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006314 ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH 2009);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huyền Trang

